HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **12**/2018/NQ-HĐND	*Tiền Giang, ngày 07 tháng 12 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Quy định chi phí quản lý chung và mức chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Cần cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Xét Tờ trình số 308/TTr-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chi phí quản lý chung và mức chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 87/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi phí quản lý chung và mức chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế thực hiện các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

Điều 2. Mức chi

1. Chi phí quản lý chung (gồm: chi phí tiền lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) cho bộ máy quản lý; chi phí điện, nước, điện thoại, xăng xe, công tác phí, văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ cho bộ máy quản lý; chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, công cụ, dụng cụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (hoặc chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ bộ máy quản lý đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; doanh nghiệp thực hiện); chi hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết của đơn vị; chi phí chuyển quân; chi phí làm nhà tạm (hoặc thuê nhà trọ) cho lực lượng thi công; chi phí kiểm tra, nghiệm thu, bàn giao sản phẩm của đơn vị thực hiện và các chi phí khác mang tính chất quản lý có liên quan đến thực hiện nhiệm vụ, dự án):

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên); doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ, dự án, chi phí quản lý chung được xác định theo tỷ lệ % tính trên chi phí trực tiếp, quy định cho từng nhóm công việc như sau:

STT	Nhóm công việc	Phân bổ chi phí quản lý chung	
		Nhiệm vụ, dự án (*hoặc hạng mục công việc có định mức kinh tế kỹ thuật*)	**Nhiệm vụ, dự án** (*hoặc hạng mục công việc không có định mức kinh tế kỹ thuật*)
I	**Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị thực hiện cơ chế như doanh nghiệp; doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ, dự án**	**Tính trên chi phí trực tiếp**	**Tính trên chi phí trực tiếp**
1	Ngoại nghiệp (gồm toàn bộ các công việc thực hiện ở thực địa)		
	Nhóm I	28%	23%
	Nhóm II	25%	18%

	Nhóm III	20%	15%
2	Nội nghiệp (gồm toàn bộ các công việc thực hiện trong phòng làm việc): nhóm I, II, III	15%	12%
II	**Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên tham gia thực hiện nhiệm vụ, dự án**	**Tỷ lệ chi phí chung bằng 90% mức quy định tại mục I, bảng này**	
III	**Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan quản lý nhà nước được NSNN cấp kinh phí chi thường xuyên thực hiện nhiệm vụ, dự án (không bao gồm nhiệm vụ thường xuyên)**		
1	Đối với nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp đến 5 tỷ đồng	20 triệu đồng/năm/nhiệm vụ, dự án	
2	Đối với nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp trên 5 tỷ đồng	Chi phí tăng thêm 1 tỷ đồng được bổ sung 0,003 của phần tăng thêm	

Trường hợp nhiệm vụ, dự án có chi phí chuyển quân, chi phí làm nhà tạm (hoặc thuê nhà trọ) cho lực lượng thi công, chi phí kiểm tra, nghiệm thu, bàn giao sản phẩm của đơn vị thực hiện và các chi phí khác có liên quan đến thực hiện nhiệm vụ, dự án (nếu có), đơn vị lập dự toán ở khoản mục các chi phí khác, theo khối lượng công việc thực hiện cụ thể, chế độ chi tiêu hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Một số mức chi cụ thể như sau:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1	Chi lập đề cương nhiệm vụ, dự án			*Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm. Theo quy chế của cấp có thẩm*
a	Lập đề cương nhiệm vụ			
	- Nhiệm vụ có vốn đầu tư từ 500 triệu đồng trở lên (có Quyết định phê duyệt của cơ quan thẩm quyền).	nhiệm vụ	2.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
	- Nhiệm vụ có vốn đầu tư dưới 500 triệu đồng (có Quyết định phê duyệt của cơ quan thẩm quyền).	nhiệm vụ	1.500	*quyền quy định có nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện và ủy viên hội đồng mới được tính.*
b	Lập đề cương dự án			
	- Dự án có vốn đầu tư từ 500 triệu đồng trở lên (có Quyết định phê duyệt của cơ quan thẩm quyền).	dự án	5.000	
	- Dự án có vốn đầu tư dưới 500 triệu đồng (có Quyết định phê duyệt của cơ quan thẩm quyền).	dự án	3.000	
2	Họp Hội đồng xét duyệt đề cương nhiệm vụ, dự án	Buổi họp		
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500	
	Thành viên, thư ký	người/buổi	240	
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	400	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	240	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	400	*Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương.*
4	Điều tra, khảo sát			
a	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	400	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
b	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân			
	+ Dưới 30 chỉ tiêu	Phiếu	40	
	+ Từ 30 chỉ tiêu trở lên	Phiếu	50	
	- Tổ chức			
	+ Dưới 30 chỉ tiêu	Phiếu	85	
	+ Từ 30 chỉ tiêu trở lên	Phiếu	100	
c	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài theo vụ việc nếu có)	Người/ ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày bằng 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày).	
d	Chi cho người dẫn đường	người/ ngày	100	*Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường.*
đ	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	200	
5	Báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án			
a	Nhiệm vụ	Báo cáo	5.000	
b	Dự án			
	- Dự án có vốn đầu tư từ 500 triệu đồng trở lên (có Quyết định phê duyệt của cơ quan thẩm quyền).	Báo cáo	15.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
	- Dự án có vốn đầu tư dưới 500 triệu đồng (có Quyết định phê duyệt của cơ quan thẩm quyền).	Báo cáo	10.000	
c	Riêng lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo Khoản 2 Phần III Phụ lục 4 kèm theo Thông tư 136/2017/TT-BTC)			
6	Hội thảo (nếu có)			
	Người chủ trì	người/ buổi	500	
	Thư ký hội thảo	người/ buổi	300	
	Đại biểu được mời tham dự	người/ buổi	150	
	Báo cáo tham luận	Bài viết	350	
7	Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ, dự án			
a	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
	- Chủ tịch hội đồng		400	
	- Thành viên, thư ký	người/ buổi	200	
b	Nghiệm thu dự án:			
	- Chủ tịch Hội đồng		700	
	- Thành viên, thư ký hội đồng	người/ buổi	240	
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	500	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	bài viết	400	
	- Đại biểu được mời tham dự	người/ buổi	150	

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang khóa IX, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

Nơi nhận:
- UB.Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: TN&MT, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh uỷ;
- UBND, UB. MTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Nguyễn Văn Danh